TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:1511/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 15/11/2017
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thiên Hương
Các Hội thẩm nhân dân:
1/Bà Lê Thị Nhanh
2/Bà Trần Thị Bích Dung
Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 15 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 455/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2402/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Huệ C, sinh năm 1976
Địa chỉ: đường Đ, Phường P, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Bị đơn: ông Nguyễn Châu L, sinh năm 1967
Quốc tịch: Hoa Kỳ
Địa chỉ: Concord North Corolina 28027, USA (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/8/2017, và bản tự khai, nguyên đơn bà Trương Huệ C trình bày:

Bà và ông Nguyễn Châu L quen biết nhau. Đến năm 1999 thì hai bên tự nguyện ký kết hôn với nhau có làmt hủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 99/KH Quyển số 1/99 ngày 01/7/1999.

Trong quá tình chung sống thường xỷ ra mâu thuẫn vì cuộc sống túng thiếu, khó khăn về kinh tế dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng, tình cảm rạn nứt

ngày càng nghiêm trọng, bà và ông L không còn yêu thương nhau, không còn quan tâm cuộc sống của nhau. Từ đầu năm 2017 vợ chồng bà không còn sống chung với nhau nữa. Bà xác định tình cảm với chồng không còn, không thể tiếp tục đời sống chung nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Châu L.

Về con chung : Có 02 con chung Nguyễn Thị Hồng N1, sinh ngày 01/7/2002 và Nguyễn Thị Hồng N2, sinh ngày 11/12/2005, Hiện hai trẻ ở với mẹ, khi ly hôn bà Châu yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu ông Nguyễn Châu L cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, theo nguyện vọng của hai trẻ xin được sống với mẹ là bà Trương Huệ C.

Về tài sản chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có

Tại bản tự khai của bị đơn ông Nguyễn Châu L đề ngày 18/9/2017 được Đại sứ quán Việt Nam tại Hợp Chúng quốc Hoa Kỳ chứng thực chữ ký ngày 18/9/2017 có nội duna như sau: Ông và bà Trương Huệ C kết hôn và sinh sống với nhau từ năm 1999. Thời gian chung sống với nhau thường lời qua tiếng lại, cãi vã nhau. thường xảy ra mâu thuẫn vì cuộc sống túng thiếu khó khăn về kinh tế dẫn đến tình cảm lạnh nhạt không còn yêu thương quan tâm nhau. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ đầu năm 2017 ông và bà C sống ly thân, ông cảm nhận tình cảm vợ chồng không thể kéo dài. Việc bà Trương Huệ C yêu cầu ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý.

Về con Chung: Xác định có hai con chung tên Nguyễn Thị Hồng N1, sinh ngày 01/7/2002 và Nguyễn Thị Hồng N2, sinh ngày 11/12/2005. Hai bên thỏa thuận bà Châu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung mà không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con, nếu bà C không còn khả năng nuôi con và có yêu cầu cấp dưỡng thì ông sẽ cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung và nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm : Nguyên đơn bà Trương Huệ C, bị đơn ông Nguyễn Châu L đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết :

Nguyên đơn bà Trương Huệ C đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam, bị đơn ông Nguyễn Châu L đang cư trú tại Hoa kỳ, giữ đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 ; điểm a khoản 2 Điều 38 ; Điều 464 ; Điều 465 ; điểm g khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 122 ; Điều 123 ; Điều 124 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm :

Bà Trương Huệ C và ông Nguyễn Châu L đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

2/ Về áp dụng pháp luật nội dung :

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy :

Bà Trương Huệ C và ông Nguyễn Châu L tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1999, có làm thủ tục đăng ký kết hôn vào sổ đăng ký kết hôn số 99/KH Quyển số 1/99 do Ủy ban nhân dân phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/7/1999. Như vậy hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Theo lời khai của đôi bên thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Việt Nam. Thời gian sống chung thường xảy ra mâu thuẫn. Do thiếu sự quan tâm lẫm nhau, thiếu sự tôn trọng và tin tưởng, quan điểm và suy nghĩ khác biệt nên tình cảm vợ chồng dần lạnh nhạt. Cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn có thể tiếp tục cuộc hôn nhân được nữa và có yêu cầu ly hôn.

Xét, về tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cũng có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau. Thực tế vợ chồng đã không còn sống cùng nhau, không tạo được điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng để tiếp tục cuộc hôn nhân hạnh phúc. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Việc bà C yêu cầu ly hôn là có căn cứ và phù hợp với pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung : Đôi bên xác nhận có hai người con chung tên Nguyễn Thị Hồng N1, sinh ngày 01/7/2002 và Nguyễn Thị Hồng N2, sinh ngày 11/12/2005 hiện đang ở với bà C. Xét nguyện vọng của các con khi ly hôn bà C có nguyện

vọng tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Ý kiến của ông L đồng ý giao hai con cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét sự thỏa thuận người trực tiếp nuôi dưỡng hai con của ông L và bà C đảm bảo quyền lợi cho hai người con được sống ổn định, được phát triển về tinh thần lẫn thể chất, Hội đồng xét xử ghi nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, bà C tự nguyện không yêu cầu do bà có khả năng lo cho các con. Xét ý kiến của bà C là tự nguyện không trái với quy định pháp luật, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung : Đôi bên khai không có

Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; khoản 4 Điều 147, Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 464; Điều 465; Điều 469; Điều 474; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19 ; Điều 51, Điều 55 ; Điều 57 ; Điều 81 ; Điều 82 ; Điều 83 ; Điều 122 ; Điều 123 ; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016.UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ luật Thi hành án dân sự 2008 ;

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1/ Quan hệ hôn nhân: Bà Trương Huệ C được ly hôn ông Nguyễn Châu L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 99/KH Quyển số 1/99 ngày 01/7/1999 của Ủy ban nhân dân Phường 13, Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể tự ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung :

Giao hai con chung là Nguyễn Thị Hồng N1, sinh ngày 01/7/2002 và Nguyễn Thị Hồng N2, sinh ngày 11/12/2005 cho bà Trương Huệ C được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trương Huệ C không yêu cầu ông Nguyễn Châu L cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Nguyễn Châu L.

Ông Nguyễn Châu L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không được ai cản trở. Vì lợi ích của các con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung và nợ chung : không yêu cầu Tòa án giải quyết

4/ Về án phí Dân sự sơ thẩm: bà Trương Huệ C phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền bà C đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2017/0047885 ngày 06/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trương Huệ C đã nộp đủ án phí.

5/ Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn bà Trương Huệ C và bị đơn ông Nguyễn Châu L. Bà Trương Huệ C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Ông Nguyễn Châu L được quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Thiên Hương